

UBND XÃ DRAY BẰNG
TRƯỜNG THCS ĐÌNH BỘ LĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 238/2025/NĐ-CP NGÀY 03/9/2025

(Ban hành kèm quyết định số: 47- QĐ/ Tr ngày 12/12/2025 của Trường THCS Đình Bộ Lĩnh)

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng chính sách		Theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP		Số tiền hỗ trợ	Ghi chú
			Khuyết tật	Hộ nghèo	Số tháng	Mức hỗ trợ		
A	B	C	1	2	3	4	5= 3*4	6
1	H Như - H Mỗk	6A		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
2	H RACHEL H MỖK	6A		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
3	Y Thiên Byă	6B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
4	H Nhên Ê Ban	6B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
5	Y Phương Ê Ban	6B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
6	Y July A Yũn	6C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
7	Y Quyết H Mỗk	6C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
8	H Ô Ta Ly HMỗk	6C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
9	H Suy Byă	6C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
10	Y Choan Byă	6D		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
11	H BiÔ BYă	6D		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
12	Y Biếu Byă	7A		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	

13	Y Pi Tơ Byã	7B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
14	H Thương Ayũn	7B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
15	H Ya Hi H Mõk	7C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
16	H Kim Ngân H Mõk	7C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
17	Y Chu Bìn KNũl	7C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
18	H Lõng Thuỷ Linh	7D		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
19	Y Bểc Niê	7D		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
20	Y Quý BYã	7D		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
21	H Deo BYã	7D		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
22	H Thiếp Niê	8B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
23	Trần Văn Khoa	8B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
24	H Mar H Mõk	8B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
25	H Triết Niê	8B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
26	H Bi Na B Yã	8C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
27	Y Dân B Yã	8C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
28	Y Đương B Dap	8C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
29	Y Sao Niê	8C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
30	Y Thoa B Yã	9A		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
31	Trần Ngọc Bảo Trâm	9A		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
32	Y Gươm Ê Nuôl	9B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
33	Lý Huy Hoàng H Mõk	9B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
34	Y Ni Ko KNũl	9B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
35	H Phương A Yũn	9B		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
36	H Đơn Ê Ban	9C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
37	H Harina B Yã	9C		Hộ nghèo	4	150,000	600,000	
38	Nguyễn Ngọc Quang Huy	8A	Khuyết Tật		4	150,000	600,000	

	TỔNG CỘNG						22,800,000	-
--	------------------	--	--	--	--	--	-------------------	----------

Bằng chữ : Hai mươi hai triệu, tám trăm ngàn đồng chẵn

Dray Bhang, ngày 12 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

BÙI MINH VÂN

Mẫu số 1b

UBND XÃ DRAY BẰNG
TRƯỜNG THCS ĐÌNH BỘ LĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO BỔ SUNG NHU CẦU HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2021/NĐ-CP

(Ban hành kèm quyết định số: 47 QĐ/ Tr ngày 12/12/2025 của Trường THCS Đình Bộ Lĩnh)

TT	Tên học sinh	Nhu cầu hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 01/2025 đến tháng 5/2025 (học kỳ II - NH 2024-2025)			
		Thuộc đối tượng	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền
A	B	1	2	3	4
1	Y Sao Niê	Hộ nghèo	150,000	5	750,000
2	Y Quý B Yă	Hộ nghèo	150,000	5	750,000
3	H Triết Niê	Hộ nghèo	150,000	5	750,000
	TỔNG CỘNG				2,250,000

Bằng chữ: . Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng./.

Dray Bằg, ngày 12 tháng 12 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Minh Vân